TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 647/2024/HS-ST
Ngày: 28-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 611/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 659/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh năm 1990, tại tỉnh Ninh Bình.

Nơi đăng ký thường trú: thôn Văn Hà 1, xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình;

Chỗ ở: Tổ 45, khu phố 4C, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T1 và bà Đinh Thị D; Bị cáo có vợ Ngô Thanh Thúy V và có 02 con sinh năm 2020 và 2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26/9/2014, bị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử phạt 32 (ba mươi) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 27/7/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B (Có mặt)

- *Bị hại:* **Chị Lê Thị Kim H**, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ **Anh Cao Xuân C**, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

2/ **Chị Quàng Thị B**, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: TDP1 Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Kim H (sinh năm 1997, nơi đăng ký thường trú: thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc) và Cố Thành Đ (sinh năm 1994, nơi đăng ký thường trú: thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn) là bạn bè với nhau. Vào khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 15/01/2022, Đ tổ chức ăn uống tại phòng trọ thuộc khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và có mời bạn của Đ là Lê Văn T cùng vợ của T là chị Ngô Thanh Thúy V (sinh năm 1995, nơi đăng ký thường trú: thôn V, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình) tham gia nhưng sau đó chị V đi về trước. Tại đây, sau khi ăn uống xong do cần tiền chơi game nên T hỏi Đ và H mượn chiếc xe môtô nhãn hiệu SH biển số 88L1-533.74 của H để mang đi cầm tạm thời một ngày và sẽ trả cho H số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) thì H đồng ý. Sau đó, T mang chiếc xe trên đến tiệm cầm đồ "Hùng Phát 79" tại địa chỉ thuộc khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai do anh Đào Minh T2 (sinh năm 1993, nơi đăng ký thường trú: số A P, phường H, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh) làm chủ, cầm đồ được số tiền 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng) và sử dụng vào việc chơi game hết, không có tiền chuộc lại xe để trả lại cho H. Khi H và Đ gọi điện yêu cầu trả lại xe thì T xin gia hạn thêm. Sau đó, đến ngày 18/01/2022 do không có tiền chuộc xe trả lại cho H nên T đã tắt liên lạc với H và Đ, đồng thời bỏ trốn thì bị chị H trình báo Công an phường T lập hồ sơ, chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B.

Đối với chiếc xe SH biển số 88L1-533.74, sau khi hết thời hạn cầm, không thấy T liên hệ chuộc lại nên anh T2 đã bán cho anh Nguyễn Văn C1 (sinh năm 1986, nơi đăng ký thường trú: khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Sau đó, anh C1 bán lại cho anh Trần Duy H1 (sinh năm 1980, nơi đăng ký thường trú: khu phố D, phường H, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh); tiếp sau đó anh H1 bán lại xe cho anh Phan Đức N (sinh năm 1971, nơi đăng ký thường trú: thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc); sau đó chiếc xe tiếp tục được anh N bán lại cho anh Đặng Văn D1 (sinh năm 1990, nơi đăng ký thường trú: thôn C Dân T, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc) và anh D1 bán lại cho chị Quàng Thị B (sinh năm 1986, nơi đăng ký thường trú: TDP1 Đoài, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc). Ngày 19/10/2023, sau khi biết

được chiếc xe là tang vật trong vụ án, chị B đã tự nguyện giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để điều tra, xử lý.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe môtô hiệu Honda SH biển số 88L1-533.74 (do anh Cao Xuân C - là chồng cũ của chị H đứng tên trên giấy đăng ký xe), chị H là người sử dụng và bị chiếm đoạt. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi, trả lại cho chị H.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 224/KL-HĐĐGTS ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: "01 chiếc xe môtô hiệu Honda SH biển số 88L1-533.74, trị giá 58.450.000 đồng".

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Lê Thị Kim H yêu cầu nhận lại xe và yêu cầu bị can T bồi thường số tiền 50.000.000 đồng. Chị H đã nhận lại chiếc xe và số tiền 50.000.000 đồng do bị cáo bồi thường, không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản cáo trạng số: 600/CT-VKS-TB ngày 15/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Lê Văn T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù;

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, bị cáo mong Hội đồng xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo về lo cho các con và cha mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng mô tả. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 18/01/2022, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Lê Văn T đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu SH biển số 88L1-533.74, trị giá 58.450.000 đồng của chị Lê Thị Kim H thì bị tố cáo, khởi tố điều tra, xử lý.

[2.1] Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự như cáo trạng đã truy tố là có căn cứ.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu nhưng vẫn tiếp tục phạm tội nên cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và được bị hại làm đơn xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên khi quyết định hình phạt áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 xe môtô hiệu Honda SH biển số 88L1-533.74 (do anh Cao Xuân C - là chồng cũ của chị H đứng tên trên giấy đăng ký xe), chị H là người sử dụng và bị chiếm đoạt. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi, trả lại cho chị H là phù hợp nên không đặt ra xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm về mặt dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Đối với anh Cao Xuân C, anh Đào Minh T2, anh Nguyễn Văn C1, anh Trần Duy H1, anh Phan Đức N, anh Đặng Văn D1 và chị Quàng Thị B, đều không có yêu cầu bồi thường gì trong vụ án nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Đối với anh Đào Minh Tuấn, anh Nguyễn Văn C1, anh Trần Duy H1, anh Phan Đức N, anh Đặng Văn D1 và chị Quàng Thị B đã có hành vi cầm và mua bán chiếc xe SH biển số 88L1-533.74, đều không biết chiếc xe là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự là phù hợp.

[10] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về tội danh, hình phạt, án phí là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/7/2024.

2. Về án phí hình sự: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại; Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Loan Trần Hải Yến